

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 54 /2020/DS-ST

Ngày: 4 - 11 - 2020

Về việc tranh chấp “ *Hợp đồng vay tài sản* ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

2. Ông Huỳnh Bá Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

*Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 06 năm 2020 về việc tranh chấp “ *Hợp đồng vay tài sản* ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th – sinh năm:1973; Địa chỉ: Tổ 01 phường Nn, quận S, TP. Đà Nẵng . Có mặt.

\* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hoàng A - sinh năm:1977. Địa chỉ: Phòng 306 nhà 3, Khu chung cư N, phường M, quận Ngũ Hành Sơn . Có mặt

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan:*

- Ông Trần Ngọc Tr – sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ 58, phường Th, quận Hải Ch, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn M – sinh năm;1965; trú tại:Tổ 01 phường Nại H, quận S, TP Đà Nẵng. Có mặt.

*Người làm chứng:* Bà Trần Thị Ngọc K – sinh năm: 1976; Địa chỉ: K18/31 L , phường Th, quận H, TP Đà Nẵng . Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày: Tôi có cho chị Hoàng A vay tiền cụ thể như sau:*

Vào ngày 02/02/2016 tôi có cho chị Hoàng A vay 100.000.000đ và đến ngày 4/02/2016 cho vay thêm 200.000.000đ, các lần vay đều có viết giấy hẹn trả ngày 15/3/2016 nhưng đến ngày này chị Hoàng A không trả được nên có viết giấy gộp hai khoản nợ vào giấy với số tiền 300.000.000đ và hẹn trả ngày 22/3/2016. Tuy nhiên đến ngày 29/3/2016 chị Hoàng A vẫn không trả được nên đề nghị cho tôi cầm sổ đỏ nhà tại Tổ 02 phường Nai Hiên Đông, quận Sơn Trà đứng tên chị Nguyễn Hoàng A và Trần Ngọc Tr, tại giấy này có bà Trần Thị Ngọc K làm chứng, hẹn lãi tính 15%/ năm và chưa thực hiện trả được đồng lãi nào đối với khoản vay 300.000.000đ này.

Ngày 7/6/2017 chị Hoàng A tiếp tục có nhờ tôi vay hộ 500.000.000đ và với mức lãi 5%/ tháng, thời hạn vay là 8 tháng (từ ngày 8/6/2017 đến 8/02/2018) bằng hình thức viết ủy quyền cầm Giấy tờ nhà đất nêu trên và trong giấy ủy quyền này, đồng thời chị xác nhận nợ tổng số tiền gốc là 800.000.000đ và sau đó tôi đã đi vay đưa tiền cho chị Hoàng A, tuy nhiên chị Hoàng A không trả được nợ gốc và lãi cho tôi đồng nào, bản thân tôi phải bỏ tiền nhà ra trả nợ để lấy sổ về. Đến ngày 02/10/2019 do không có trả chị Hoàng A lại hẹn trả mỗi ngày 5.000.000đ và cam kết nếu không thực hiện được thì chuyển tất cả gốc và lãi của các lần vay gộp lại là tiền gốc với số tiền 1.445.000.000đ (một tỷ bốn trăm bốn lăm triệu đồng), lãi 15%/ năm. Thực tế viết là như vậy để chị Hoàng A có trách nhiệm ràng buộc lo để trả nợ cho tôi và khi tôi làm đơn khởi kiện cũng ghi số tiền gốc thỏa thuận này để nhằm cho chị Hoàng A tới tòa để giải quyết chứ tôi không có ý định tính gốc số tiền đó. Nay tôi chỉ yêu cầu chị Hoàng A trả gốc hai khoản là 800.000.000đ và lãi tính như sau:

Đối với khoản tiền 300.000,000đ x 1,25%/ tháng x 57 tháng (*chỉ tính 57 tháng và lãi tính từ ngày 02/02/2016 đến ngày 4/11/2020, theo mức lãi 15%/ năm là 1,25%/tháng*) = 213.750.000đ (Hai trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Đối với số tiền 500.000.000đ x 1,5 %/tháng x 40 tháng (*chỉ tính 40 tháng và lãi tính từ ngày 07/6/2017 đến ngày 04/11/2020*) = 300.000.000đ.

Tổng gốc là 800.000.000đ và lãi hai khoản là 513.750.000đ, tuy nhiên tôi chỉ yêu cầu 500.000.000đ. Tổng gốc lãi là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). yêu cầu trả một lần. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Hoàng A tôi đang cầm nêu trên tôi sẽ cầm đến khi nào chị Hoàng A trả xong tiền thì tôi trả sổ.

\* Bị đơn chị Nguyễn Hoàng A trình bày: Thừa nhận có vay của chị Th và nhờ chị Th vay hộ tổng cộng là 800.000.000đ các lần vay tôi đều đều viết giấy hẹn như chị Th trình bày là đúng, Khi vay tôi có đưa cho chị Th cầm Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, nhà tại thửa đất số 02; tờ bản đồ 3-8, được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2002 (thuộc Tổ 2 phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà) điều chỉnh biên động đứng Nguyễn Hoàng A và Trần Ngọc Tr . Do công việc làm ăn khó khăn, thất bại nên tôi không trả được cho chị Th. Nay chị Th yêu cầu tôi trả số nợ tổng 1.300.000.000đ (gồm 800.000.000đ gốc và 500.000.000đ lãi) tôi chấp nhận nhưng chị xin cho được trả dần số nợ mỗi tháng từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ cho đến khi hết nợ nêu trên.

\* Ý kiến của người có quyền và nghĩa vụ có liên quan ông Trần Văn M: Tại phiên tòa hôm nay ông thống nhất như chị Trần Thị Th trình bày, sự việc chị Hoàng A vay mượn tiền 800.000.000đ này ông có biết và cũng là tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên khi giao dịch ký kết một mình chị Th thực hiện với chị Hoàng A và ông đồng ý để cho một mình chị Th được nhận số tiền gốc và lãi do chị Hoàng A phải trả khi tòa án tuyên mà không có ý kiến gì.

\* Ý kiến của người liên quan ông Trần Ngọc Tr tại bản tự khai trình bày:

Ông và chị Nguyễn Hoàng A là vợ chồng hợp pháp đến năm 2016, hiện nay chúng tôi đã ly hôn. Trong quá trình chung sống trước đây chị Hoàng A có làm ăn và làm ăn vay mượn một số người nhưng việc vay mượn nợ không nói cho ông biết. Đối với số nợ của vợ chồng chị Th cũng vậy vay bao nhiêu và khi nào ông không biết gì cả, khi vay chị Hoàng A có đưa Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; tại thửa đất số 02; tờ bản đồ 3-8, được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2002 (thuộc Tổ 2 phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà) điều chỉnh biên động đứng tên chị Nguyễn Hoàng A và Trần Ngọc Trg, cầm cho chị Th mà ông cũng không biết. Nay việc chị Hoàng A vay nợ thì chị ấy phải chịu trách nhiệm mà trả nợ, còn đối với giấy tờ nhà đất chị ấy cầm cho chị Thủy thì ông đồng ý chị Th cứ cầm cho đến khi nào chị Hoàng A trả hết nợ cho chị Thủy thì chị Th phải trả lại giấy tờ này cho chúng tôi để chúng tôi giải quyết nợ chung này.

\* Ý kiến tại bản tự khai của người làm chứng bà Trần Thị Ngọc K trình bày: Anh Trần Ngọc Tr là em trai chị, việc vay mượn tiền giữa chị Th và chị Hoàng A thì không có sự chứng kiến của chị, tuy nhiên vào chiều 28/3/2016 Hoàng A có gọi điện khóc đề xuất nhờ chị đứng ra giúp 300.000.000đ để trả cho chị Th vì đã đến hạn. Sự việc này chị hoàn toàn bất ngờ vì không thể nào có số tiền trên, lúc này Hoàng A đang có thai, tinh thần suy sụp tôi sợ ảnh hưởng đến thai nhi, nên nói với Hoàng A đưa chị đến gặp chị Th để xin hoãn thời hạn trả nợ, do đó chị đã cam kết sẽ có trách nhiệm hối thúc Hoàng A trả nợ cho chị Th và sau khi Hoàng A sinh, vợ chồng ly hôn chị đã hối thúc thực hiện đúng cam kết và em trai chị đã nhờ người cầm 300.000.000đ đến trả gốc cho chị Th nhưng chị Th lúc này muốn phải trả cả lãi nên đã không nhận và việc này là do lỗi chị Th còn chị đã hoàn thành trách nhiệm. Việc chị Th khởi kiện đòi tiền Hoàng A tôi không có ý kiến gì, Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

Tại Phiên Tòa vụ án không thuộc VKS phải tham gia nên không có phần ý kiến của VKS.

- Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Ông Trần Ngọc Tr (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không có yêu cầu độc lập) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông có ý kiến xin vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[3] Về nội dung vụ án: Vào ngày 02/02/2016 chị Th cho chị chị Hoàng A vay 100.000.000đ và đến ngày 04/02/2016 cho vay thêm 200.000.000đ, các lần vay đều có viết giấy hẹn trả ngày 15/3/2016 nhưng đến ngày này chị Hoàng A không trả được nên có viết giấy gộp hai khoản nợ vào giấy với số tiền 300.000.000đ và hẹn trả ngày 22/3/2016. Tuy nhiên đến ngày 29/3/2016 chị Hoàng A vẫn không trả được nên đề nghị cho chị Th cầm sổ đỏ nhà tại Tổ 02 phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà đứng tên chị Nguyễn Hoàng A và Trần Ngọc Tr, tại giấy này có bà Trần Thị Ngọc K làm chứng, hẹn lãi tính 15%/ năm và chưa thực hiện trả được đồng lãi nào đối với khoản vay 300.000.000đ này.

Vào ngày 07/6/2017 chị Hoàng A tiếp tục có nhờ chị Th vay hộ 500.000.000đ, với mức lãi 5%/ tháng, thời hạn vay là 8 tháng (từ ngày 8/6/2017 đến 08/02.2018) bằng hình thức viết ủy quyền cầm Giấy tờ nhà đất nêu trên và trong giấy ủy quyền này, đồng thời chị Hoàng A xác nhận nợ tổng số tiền gốc là 800.000.000đ và sau đó chị Thủy đã đi vay đưa tiền cho chị Hoàng Anh, tuy nhiên chị Hoàng A vẫn không trả được nợ gốc và lãi cho chị Th, bản thân chị Thủy phải bỏ tiền nhà ra trả nợ để lấy sổ về. Đến ngày 02/10/2019 do không có trả chị Hoàng A lại hẹn trả mỗi ngày 5.000.000đ và cam kết nếu không thực hiện được thì chuyển tất cả gốc và lãi của các lần vay gộp lại là tiền gốc với số tiền 1.445.000.000đ (một tỷ bốn trăm bốn lăm triệu đồng), lãi 15%/ năm. Thực tế chị Th cho rằng viết là như vậy để chị Hoàng A có trách nhiệm ràng buộc lo để trả nợ cho chị và khi chị làm đơn khởi kiện cũng ghi số tiền gốc thỏa thuận này để nhằm cho chị Hoàng A tới tòa để giải quyết chứ chị không có ý định tính gốc số tiền đó. Nay chị Thủy yêu cầu chị Hoàng A trả gốc hai khoản là 800.000.000đ và lãi tính như sau:

Đối với khoản tiền  $300.000.000đ \times 1,25\% / \text{tháng} \times 57 \text{ tháng}$  (chỉ tính 57 tháng và lãi tính từ ngày 02/02/2016 đến ngày 04/11/2020, theo mức lãi 15%/ năm là 1,25%/tháng) = 213.750.000đ (Hai trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Đối với số tiền  $500.000.000đ \times 1,5\% / \text{tháng} \times 40 \text{ tháng}$  (chỉ tính 40 tháng và lãi tính từ ngày 07/6/2017 đến ngày 04/11/2020) = 300.000.000đ.

Tổng gốc là 800.000.000đ và lãi hai khoản là 513.750.000đ, tuy nhiên chị Thủy chỉ yêu cầu 500.000.000đ. Tổng gốc và lãi là 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Yêu cầu trả một lần. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Hoàng A tôi đang cầm nêu trên chị Th sẽ cầm đến khi nào chị Hoàng A trả xong tiền thì chị trả sổ.

Bị đơn chị Hoàng A thừa nhận có vay số tiền nợ gốc và lãi còn nợ như chị Th trình bày là đúng, sự việc vay chị có viết giấy tờ và có cầm sổ đỏ nhà tại thửa đất số 02; tờ bản đồ 3-8, được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2002( Thuộc Tổ 2 phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà) điều chỉnh biến động đứng tên chị Nguyễn Hoàng A và Trần Ngọc Tr cho chị Th. Nay chị Th yêu cầu trả tổng cộng hai khoản nợ là 1.300.000.000đ (Trong đó gốc 800.000.000đ và lãi 500.000.000đ chị chấp nhận. Tuy nhiên nay do khó khăn về kinh tế nên chị xin chị Th cho trả dần mỗi tháng 3.000.000đ đến 5.000.000đ cho đến khi hết nợ nêu trên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Giữa chị Trần Thị Th với chị Nguyễn Hoàng A có xác lập quan hệ vay tiền bắt đầu vào ngày 02/02/2016, hai lần vay với tổng số tiền là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) là có thật được các bên thừa nhận, khi vay tiền chị Hoàng A đều viết giấy nhận nợ cho chị Th, hẹn trả lãi suất tuy nhiên, đến nay chị Hoàng A đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cũng như lời hứa của mình nhiều lần với chị Th là vi phạm cam kết trả nợ. Nay chị Th yêu cầu chị Hoàng A hoàn trả 800.000.000đ và lãi cụ thể của hai khoản nêu trên tổng cộng là 500.000.000đ thì thấy tại khoản lãi vay được các bên tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa và mức lãi suất thỏa thuận này đều không vượt quá mức lãi suất qui định 20%/ năm là không trái pháp luật nên yêu cầu tính gốc và lãi của nguyên đơn được chấp nhận.

Đối với chị Hoàng A chị chấp nhận trả số nợ này nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000đ đến 5.000.000đ cho đến khi hết nợ thì thấy yêu cầu này không được chị Th chấp nhận, nên HĐXX không chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện chị Th yêu cầu chị Hoàng A phải trả số tiền gốc là 1.445.000.000đ, tại phiên tòa chị Th chỉ yêu cầu chị Hoàng A phải trả 800.000.000đ, thấy yêu cầu thay đổi này là phù hợp nên chấp nhận.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn M (chồng chị Th) xác nhận số tiền chị Th cho chị Hoàng A vay là tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên ông đồng ý để cho một mình chị Th được nhận số tiền gốc và lãi do chị Hoàng A phải trả khi tòa án tuyên mà không có ý kiến gì. Yêu cầu này là phù hợp cần được chấp nhận.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; tại thửa đất số 02; tờ bản đồ 3-8, được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2002(thuộc Tổ 2

phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà) điều chỉnh biến động đứng tên chị Nguyễn Hoàng A và Trần Ngọc Tr do chị Hoàng A cầm cho chị Th thì thấy ý kiến của ông Trần Ngọc Tr vắng mặt nhưng thể hiện tại hồ sơ đồng ý cho chị Th tiếp tục cầm sổ này cho đến khi chị Hoàng A thanh toán xong khoản nợ thì trả lại cho ông và chị Hoàng A và ý kiến này cùng được chị Hoàng A và chị Thủy thống nhất, do vậy cần tiếp tục cho chị Th cầm sổ cho đến khi nào chị Hoàng A thanh toán xong khoản nợ thì chị Th phải có trách nhiệm trả sổ đỏ này cho bị đơn là phù hợp.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, 466, 468 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của chị Trần Thị Th đối với chị Nguyễn Hoàng A.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Hoàng A phải trả cho chị Trần Thị Th số tiền 1.300.000.000đ (gốc 800.000.000đ và lãi 500.000.000đ), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Sau khi chị Hoàng A thanh toán xong mọi khoản nợ, chị Trần Thị Th phải có trách nhiệm hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; tại thửa đất số 02; tờ bản đồ 3-8, được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2002 (thuộc Tờ 2 phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà) điều chỉnh biến động đứng tên chị Nguyễn Hoàng A và anh Trần Ngọc Trọng, cho chị Hoàng A.

4. Án phí dân sự sơ thẩm 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu) chị Nguyễn Hoàng A phải chịu, hoàn trả chị Trần Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.571.562 đồng, tại cơ quan Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn, theo biên lai thu số 0009925 ngày 29/05/2020.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trọng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Lương Thị Anh**